

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VSNT
TỈNH NAM ĐỊNH
Số: 01/BC-CTNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 02 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả chất lượng nước sạch quý II năm 2024

A. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên đơn vị cấp nước:** Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ:** Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Hoàng, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:**

STT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt
6	Liên Bảo	Sông Đào	6.000	23.230	3 mẫu/đợt
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt
12	Quý Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	11.260	3 mẫu/đợt
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt

Ghi chú: - Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước, tần suất thực hiện nội kiểm và chế độ thông tin báo cáo

Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước			Số lượng mẫu và các thông số thử nghiệm nội kiểm trong kỳ báo cáo (đầy đủ theo quy định hay không)	Tần suất thực hiện nội kiểm (đúng theo quy định hay không)	Chế độ thông tin báo cáo (đúng theo quy định hay không)	Các biện pháp khắc phục (có hay không)
Lập hồ sơ (có hay không)	Hồ sơ đầy đủ theo quy định (có hay không)	Nếu không đầy đủ thì thiếu tài liệu gì				
Tại 14 nhà máy nước có đầy đủ hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước bao gồm sổ lưu mẫu nước thành phẩm, kết quả phân tích chất lượng nước.	Tại 14 nhà máy nước có đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Không có.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích mẫu nước thành phẩm tại 14 nhà máy gồm 43 mẫu/tháng - Đối với nhà máy khai thác nước mặt: Công ty thử nghiệm được 21 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2018/BYT gồm: mức độ giám sát A có 5 chỉ tiêu lý hóa và 2 chỉ tiêu vi sinh; Mức độ giám sát B có 12 chỉ tiêu lý hóa và 2 chỉ tiêu vi sinh Công ty có thuê đơn vị chức năng là Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 thử nghiệm 77 chỉ tiêu mức độ giám sát B - Đối với nhà máy khai thác nước ngầm 	Tần suất thực hiện nội kiểm 01 lần/tháng chỉ tiêu A và 02 lần/năm chỉ tiêu B của QCVN 01-1:2018/BYT	Chế độ báo cáo đúng theo quy định.	Không.

			<p>thử nghiệm 22 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2018/BYT gồm:</p> <p>Mức độ giám sát A có 6 chỉ tiêu lý hóa và 2 chỉ tiêu vi sinh;</p> <p>Mức độ giám sát B có 12 chỉ tiêu lý hóa và 2 chỉ tiêu vi sinh</p> <p>Công ty có thuê đơn vị chức năng là Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 thử nghiệm 77 chỉ tiêu mức độ giám sát B</p> <p>- Báo cáo đầy đủ theo mẫu số 05 và mẫu số 06 thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.</p>			
--	--	--	--	--	--	--



Nhận xét:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước... ; chế độ báo cáo theo tháng, theo quý và tần suất thực hiện việc lấy mẫu và phân tích mẫu nước đúng theo quy định của thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

2. Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo

(Một mẫu nước đạt quy chuẩn là đạt tất cả các thông số theo quy định hiện hành)

Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm: 43 mẫu.

Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu.

Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%.

Các chỉ tiêu không đạt: không.

C. KẾT QUẢ NGOẠI KIỂM

1. Các đơn vị thực hiện ngoại kiểm

TT	Đơn vị thực hiện ngoại kiểm	Số lần ngoại kiểm	Nội dung ngoại kiểm	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước (có, không)
1	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Nam Định	1 lần/năm	Ngoại kiểm chất lượng nước sạch chỉ tiêu A theo QCVN 01-1:2018/BYT của 14 nhà máy nước và hồ sơ theo dõi chất lượng nước.	Có

2. Kết quả ngoại kiểm

TT	Nội dung ngoại kiểm	Đạt (số lượng, tỷ lệ %)	Không đạt (số lượng, tỷ lệ %)
1	Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước - Lập hồ sơ - Hồ sơ đầy đủ theo quy định	Số lượng: 14/14 Tỷ lệ: 100%	Số lượng: 0/14 Tỷ lệ: 0%
2	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước nội kiểm - Số mẫu - Kết quả (số mẫu, tỷ lệ %) - Các thông số không đạt	- Số mẫu: 43 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu đạt là 43 mẫu, đạt 100% - Các thông số không đạt: không.	- Số mẫu: 0 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu không đạt là 0 mẫu, đạt 0% - Các thông số không đạt: không.
3	Thực hiện báo cáo, công khai thông tin - Báo cáo - Công khai thông tin	- Báo cáo đầy đủ kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch đến trung tâm y tế dự phòng các huyện, trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định, UBND các xã được cấp nước (qua email). - Công khai thông tin lên trang Website công ty và trước cổng nhà máy nước.	Không
4	Thực hiện các biện pháp khắc phục	Không	Không

5	Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước của cơ quan ngoại kiểm - Số mẫu - Kết quả (số mẫu, tỷ lệ %) - Các thông số không đạt	- Số mẫu: 43 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu đạt là 43 mẫu, đạt 100% - Các thông số không đạt: không.	- Số mẫu: 0 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu không đạt là 0 mẫu, đạt 0% - Các thông số không đạt: không.
6	Công khai thông tin chất lượng nước sạch - Thông báo cho đơn vị cấp nước - Công khai trên trang thông tin của cơ quan ngoại kiểm - Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền - Thông báo cho đơn vị chủ quản	Có	Không

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 6/2024);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng QLCN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng

Nam Định, ngày 02 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 6 năm 2024****A. THÔNG TIN CHUNG:**

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ: Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Hoàng, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	6.000	23.230	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quỹ Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	11.260	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú: - Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

4. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
15	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
14	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Mức độ giám sát A (7 chỉ tiêu hóa lý, vi sinh đối với nhà máy khai thác nước mặt và 8 chỉ tiêu đối với nhà máy khai thác nước ngầm):

2.1.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.1.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.1.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

2.2. Mức độ giám sát B (91 chỉ tiêu hóa lý và vi sinh):

2.2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không.

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không./.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 6/2024);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng QLCN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hằng